

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2018/DS-PT
Ngày 17 - 9 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237A/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Dương Thị Thu H - Sinh năm: 1955;

2/ Dương Thị Thu Ng - Sinh năm: 1958;

3/ Dương Thị Thu Đ - Sinh năm: 1966;

4/ Dương Thị Thu Th - Sinh năm: 1970.

Người đại diện hợp pháp của Dương Thị Thu Ng; Dương Thị Thu Đ; Dương Thị Thu Th là: Dương Thị Thu H.

Cùng địa chỉ: 461/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

5/ Dương Ngọc Th - Sinh năm: 1964. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng ông Th:

5.1/Lưu Thị Ngọc H - Sinh năm: 1963;

- 5.2/ Dương Ngọc A - Sinh năm: 1982;
5.3/ Dương Thị Ngọc T - Sinh năm: 1985;
5.4/ Dương Thị Ngọc Gi - Sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: Số nhà 474/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp Lưu Thị Ngọc H; Dương Thị Ngọc T, Dương Thị Ngọc Gi là Dương Thị Thu H - Sinh năm: 1955.

Địa chỉ: 461/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn:*

- 1/ Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1935;
2/ Trình Kim H - Sinh năm: 1951;
3/ Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1973;
4/ Nguyễn Văn Ch - Sinh năm: 1978;
5/ Nguyễn Văn Th - Sinh năm: 1983;
6/ Nguyễn Văn Th - Sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: 460/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1/ Trần Văn C - Sinh năm: 1970;
2/ Nguyễn Thị Đ - Sinh năm: 1967;
3/ Trần Văn H - Sinh năm: 1994.
Cùng địa chỉ: 463/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
4/ Trần Văn H - Sinh năm: 1956;
5/ Phạm Thị Th - Sinh năm: 1964;
6/ Trần Văn Chí H - Sinh năm: 1984;
7/ Lê Hồng Nhị - Sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: 469A/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- 8/ Võ Văn (Thanh) H - Sinh năm: 1970;
9/ Phan Thị Bé E - Sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: 465A/3 ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- 10/ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh Ph, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Nguyễn Văn H;
Trình Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Dương Thị Thu H, Dương Thị Thu Ng, Dương Thị Thu Đ, Dương Thị Thu Th do bà H đại diện và Dương Ngọc Th trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là bà ngoại của các anh chị em bà H tên Nguyễn Thị Tr mua từ trước năm 1950 để lại cho cha mẹ rồi đến gia đình bà H sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Năm 2009 và nay Ủy ban nhân dân xã Định H mời anh em bà H đến làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông Nguyễn Văn H tranh chấp ngăn cản không cho đăng ký. Lý do đất của gia đình ông và đã được nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó các anh em bà H gồm: bà H, bà Ng, bà Đ, bà Th, ông Th khởi kiện yêu cầu gia đình ông H trả lại và công nhận cho hộ bà H, Thu Ng, Thu Đ, Thu Th và ông Th được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế thửa 4, diện tích 2.201,3 m², mục đích sử dụng đất: ONT + CLN và thửa 14, diện tích 134,1 m², mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68. Đất tọa lạc xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trình Kim H, anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ông H tên Nguyễn Văn T cho cô ruột là bà Nguyễn Thị Tr (bà ngoại của chị em bà H) ở từ năm 1945. Đến khoảng năm 1972 bà Tr dời nhà đi cho phần đất tranh chấp lại cho mẹ của chị em bà H là bà Ph Thị Ph sử dụng như hiện nay. Do đất của ông H và gia đình ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó ông H, bà H, anh Ch chỉ đồng ý cho anh em bà H quản lý, sử dụng 200m² (kích thước 10m x 20m) nhưng không được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất còn lại yêu cầu gia đình bà H phải trả lại cho gia đình ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Theo Công văn số 43/UBND-TNMT, ngày 12/4/2016 và công văn số 90/UBND-TNMT, ngày 21/6/2016 thì Hộ ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299) là do hộ ông H đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký cấp giấy và được Hội đồng xét cấp giấy của xã xét duyệt, sau đó chuyển đến cấp huyện và căn cứ vào hồ sơ xét duyệt, cấp giấy cho hộ ông Trần Văn H không có xác minh thực tế. Do đó, không xác định được ai là người trực tiếp sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho hộ ông Trần Văn H đã trao cho hộ ông Trần Văn H. Do đó, đơn vị không cung cấp được bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu của hộ ông Trần Văn H (có kèm theo hồ sơ đăng ký ban đầu).

Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 201, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp theo bản đồ 299, do đó không có đo đạc thực tế lại và cũng không có tranh chấp.

Thửa đất số 215, tờ bản đồ địa chính số 4 (Sổ mục kê ghi viết chì tên Trần Văn H), thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở pháp lý, ông Trần Văn H chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính quản lý tại đơn vị thì thửa số 4, 14 cùng tờ bản đồ số 68 (Bản đồ lưới) đối chiếu sang bản đồ giải thửa 299 vị trí tại thửa 215 và thửa 201, tờ bản đồ địa chính số 4. Hiện hai thửa đất trên chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C, Nguyễn Thị Đ, Trần Văn H, Trần Văn H, Phạm Thị Th, Trần Văn Chí H, Lê Hồng Nh, Võ Văn (Thanh) H, Phan Thị Bé E:

Đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt, không có lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung quyết định :

1. Công nhận cho Dương Thị Thu H, Dương Thị Thu Ng, Dương Thị Thu Đ, Dương Thị Thu Th, Dương Ngọc Th được quyền sử dụng thửa 4, diện tích 2.201,3 m² đất (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1), mục đích sử dụng đất: ONT + CLN và thửa 14, diện tích 134,1 m² đất (trong phạm vi các mốc a1, a2, a3, a4, a5 trở về mốc a1), mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68, địa chỉ hai thửa đất tại: ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo Sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất số: 85/TĐBĐ đo vẽ ngày 26/8/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất thửa 4, mục đích sử dụng đất: ONT + CLN và thửa 14, mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68, địa chỉ hai thửa đất tại: ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất số: 85/TĐBĐ đo vẽ ngày 26/8/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đồng Tháp kèm theo bản án này.

3. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng, tạm ứng chi phí tố tụng:

3.1. Nguyễn Văn H, Trình Kim H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (hộ ông Nguyễn Văn H chưa nộp).

3.2. Hoàn trả lại cho Dương Thị Thu H 5.622.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số: 033134, ngày 18/5/2015 và số: 036968, ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Buộc Nguyễn Văn H, Trình Kim H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th liên đới hoàn trả cho Dương Thị Thu H 3.679.000 đồng chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/02/2018 ông H, bà H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận cho gia đình bà H diện tích đất 200m², diện tích tranh chấp đất còn lại phải trả cho ông, bà. Không đồng ý chịu tiền án phí sơ thẩm và không chấp nhận trả chi phí tố tụng cho bà Hồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng anh A và bị đơn ông H, bà H, anh Ch. Bị đơn ông H, bà H thay đổi yêu cầu kháng cáo. Ông H, bà H, vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày đất tranh chấp là của gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bà về việc yêu cầu gia đình bà H trả lại đất. Gia đình ông H đồng ý cho gia đình bà H được sử dụng diện tích đất 1.000m². Ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện L xét xử vụ án thì ngày 25/3/2018 ông Dương Ngọc Th chết. Tòa án đã tiến hành đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Th vào tham gia tố tụng gồm bà Lưu Ngọc H, chị Dương Thị Ngọc T, anh Dương Ngọc A, chị Dương Thị Ngọc Gi. Các đương sự thống nhất không có khiếu nại về thành phần những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bà H, anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thống nhất yêu cầu kháng cáo của ông H, bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định cũng như các chứng cứ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đất tranh chấp có diện tích theo hồ sơ địa chính là thửa số 4, 14 cùng tờ bản đồ số 68 (Bản đồ lưới) đối chiếu sang bản đồ giải thửa 299 vị trí tại thửa 215 và thửa 201 tờ bản đồ số 4. Theo đo đạc thực tế thửa 4, diện tích

2.201,3m² mục đích sử dụng đất ONT + CLN và thửa 14, diện tích 134,1m², mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68. Đất tọa lạc tại xã Định H, huyện L. Hiện hai thửa đất trên chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Theo các nguyên đơn xác định đất có nguồn gốc của Nguyễn Thị Tr (bà ngoại của các chị em bà H) mua từ trước năm 1950 để lại cho mẹ anh chị em bà H là bà Phùng Thị Ph sử dụng rồi đến bà H sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Nên nay yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất.

[3] Bị đơn gia đình ông H cho rằng đất của cha ông H tên Nguyễn Văn T cho cô ruột tên Nguyễn Thị Tr ở từ năm 1945 đến khoảng năm 1972 bà Tr dời nhà đi cho phần đất tranh chấp lại cho bà Phùng Thị Ph là mẹ bà H sử dụng như đến nay. Đất ông H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chỉ đồng ý cho gia đình bà H sử dụng một phần đất diện tích 200m², phần đất còn lại yêu cầu gia đình bà H phải trả lại đất.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét lời khai gia đình ông H thừa nhận kể từ năm 1945 đến nay cha ông H cũng như hộ ông H không có ai sử dụng phần đất tranh chấp, mà do bà ngoại, cha mẹ của anh em bà H rồi bà H sử dụng như hiện nay. Về cơ sở pháp lý Ủy ban nhân dân huyện L là Cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất và các Cơ quan quản lý đất đai của huyện cùng xác định hai thửa đất đang tranh chấp chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện và công nhận quyền sử dụng đất cho anh, em bà Hồng.

[5] Ông H, bà H không đồng ý nên kháng cáo bản án. Tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ông H, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đất có nguồn gốc từ cha ông H để lại và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất từ những năm 1945 đến nay gia đình ông H không có sử dụng, quản lý thể hiện là chủ sở hữu về đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện L xác định chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai. Như vậy đất gia đình bà H sử dụng đã rất lâu, việc quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp đến khi đăng ký quyền sử dụng đất thì gia đình ông H ngăn cản không cho đăng ký và yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của gia đình anh, em bà H đối với gia đình ông H là có căn cứ, đúng với quy định pháp luật. Từ những căn cứ và nhận định trên nên không chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu của ông H, bà H;

[6] Về kháng cáo ông H, bà H không đồng ý chịu tiền án phí và chi phí tố tụng trả lại cho bên bà H. Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, bà H về tiền án phí sơ thẩm; vụ án được Tòa án nhân dân huyện L thụ lý theo thông báo số: 73/2015/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2015, khi xét xử vụ án về tiền án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa

án và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về tiền án phí, lệ phí của Tòa án để quyết định. Tuy nhiên cũng theo quy định của Nghị quyết này thì tại điểm đ điều 12 quy định người cao tuổi được miễn tiền án phí; ông H, bà H thuộc trường hợp là người cao tuổi. Tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết cũng quy định “...trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này” do đó chấp nhận kháng cáo này của ông H, bà Hoa. Sửa bản án sơ thẩm, ông H, bà Hoa được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

[7] Đối với kháng cáo chi phí tố tụng xem xét thẩm định, định giá thì chi phí tố tụng này do cá nhân đương sự là bà H nộp tạm ứng theo quy định khi tiến hành giải quyết vụ án và yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật buộc gia đình ông H, bà H phải trả lại số tiền này cho bà H là đúng quy định pháp luật và kháng cáo của ông H và bà H về yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất cũng không được chấp nhận nên cũng không chấp nhận kháng cáo phần này của ông H, bà H.

[8] Từ những nhận định trên xét đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về diện tích đất tranh chấp; việc đề nghị là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về chi phí, án phí dân sự phúc thẩm: Ông H, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 101 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 12, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Trình Kim H.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Công nhận cho Dương Thị Thu H, Dương Thị Thu Ng, Dương Thị Th Đẹp, Dương Thị Thu Th, Lưu Thị Ngọc H, Dương Thị Ngọc T, Dương Ngọc A, Dương Thị Ngọc Gi được quyền sử dụng thửa 4, diện tích 2.201,3m² đất (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1), mục đích sử dụng đất: ONT + CLN và thửa 14, diện tích 134,1m² đất (trong phạm vi các mốc a1, a2, a3, a4, a5 trở về mốc a1), mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68, đất tọa lạc ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo Sơ đồ đo vẽ số 85/TĐBĐ ngày 26/8/2015).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất thửa 4, mục đích sử dụng đất: ONT + CLN và thửa 14, mục đích sử dụng đất: CLN, cùng tờ bản đồ số 68, đất tọa lạc ấp Định Thành, xã Định H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo vẽ số: 85/TĐBĐ ngày 26/8/2015.

3. Án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyễn Văn H, Trình Kim H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả lại cho Dương Thị Thu H 5.622.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số: 033134, ngày 18/5/2015 và số: 036968, ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Buộc Nguyễn Văn H, Trình Kim H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th liên đới hoàn trả chi phí tố tụng cho Dương Thị Thu H số tiền là 3.679.000 đồng .

4. Án phí và chi phí tố tụng dân sự phúc thẩm:

Nguyễn Văn H, Trình Kim H được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông H, bà H được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001092 ngày 06/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm